



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021**

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 36

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 31 tháng 5 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 31 tháng 5 năm 2019 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU1

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Dương Tất Khiêm	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật
	Ông Nguyễn Việt Phương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Ủy viên
	Ông Lương Công Tú	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Thơm	Ủy viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Bùi Thái Khanh	Trưởng ban
	Bà Lê Phương Anh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Việt Phương	Giám đốc
	Ông Trần Vũ Anh	Phó Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Việt Phương**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Số: 222/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Do hạn chế thông tin về khả năng thanh toán của các khoản nợ phải thu lâu ngày với giá trị là 69,36 tỷ đồng tại thời điểm 30/6/2021. Chúng tôi không thể đánh giá được số dự phòng phải trích cho các khoản nợ phải thu này tại Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

Do hạn chế thông tin về hiện trạng các khoản nợ phải trả lâu ngày với giá trị là 16,36 tỷ đồng tại thời điểm 30/6/2021. Chúng tôi không thể đánh giá được các điều chỉnh có liên quan đến các khoản nợ phải trả này trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

Tại thời điểm 30/6/2021, khoản Công ty trả trước cho Công ty con là Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02 với số tiền là 25,78 tỷ đồng chưa được quyết toán nghiệm thu khối lượng và khoản phải thu tiền cô tức với số tiền 1,402 tỷ đồng. Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02 đã tạm dừng hoạt động (chi tiết tại Thuyết minh số 5.4). Chúng tôi không thể đánh giá được số dự phòng phải trích cho các khoản công nợ này tại Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

Khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02 với giá trị ghi sổ là 12,75 tỷ đồng. Do chưa có thông tin về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh trong năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02, chúng tôi không thể đánh giá được số dự phòng phải trích cho khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.



**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Bùi Thị Thúy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>470.389.110.378</b>	<b>433.059.703.322</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>23.280.566.388</b>	<b>25.810.217.496</b>
1. Tiền	111		23.280.566.388	25.810.217.496
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>428.337.186.880</b>	<b>375.123.166.283</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	213.201.400.436	190.069.009.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	65.113.345.190	56.136.273.402
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	160.762.737.765	134.956.603.267
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(10.740.296.511)	(6.038.720.114)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>16.566.435.412</b>	<b>20.797.794.888</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.566.435.412	20.797.794.888
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>204.921.698</b>	<b>11.328.524.655</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		150.009.000	150.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	11.178.524.655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	54.912.698	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	<b>200</b>		<b>246.981.474.708</b>	<b>383.547.077.978</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.242.711.648</b>	<b>1.324.211.088</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.242.711.648	1.324.211.088
- Nguyên giá	222		11.751.113.493	11.751.113.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.508.401.845)	(10.426.902.405)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>218.432.398.244</b>	<b>354.916.502.074</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.9	218.432.398.244	354.916.502.074
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>27.306.364.816</b>	<b>27.306.364.816</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.156.000.000	18.156.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.000.000.000	13.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.849.635.184)	(4.849.635.184)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>717.370.585.086</b>	<b>816.606.781.300</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI-KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>584.524.967.917</b>	<b>681.011.148.882</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>584.524.967.917</b>	<b>681.011.148.882</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	78.875.859.391	142.132.800.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	386.872.717.362	398.867.035.348
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	14.357.668.626	5.844.972.947
4. Phải trả người lao động	314		514.294.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.173.605.203	218.367.930
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	55.888.669.223	60.909.735.118
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	45.573.115.825	71.682.743.363
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.269.038.287	1.355.493.759
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>132.845.617.169</b>	<b>135.595.632.418</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>132.845.617.169</b>	<b>135.595.632.418</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.300.417.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.270.343.903	4.270.343.903
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.274.856.266	8.024.871.515
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.918.726.987	7.918.726.987
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.643.870.721)	106.144.528
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>717.370.585.086</b>	<b>816.606.781.300</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Hồng Liễu



Lê Thanh Hải



Nguyễn Việt Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	249.874.118.429	152.393.141.844
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		249.874.118.429	152.393.141.844
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	235.548.976.247	142.066.806.535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.325.142.182	10.326.335.309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	66.861.084	100.789.898
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.402.072.553	1.662.368.153
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.402.072.553	1.662.368.153
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	156.636.364	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.580.811.123	5.135.303.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(747.516.774)	3.629.453.826
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		224.369.216	779.953.762
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(224.369.216)	(779.953.762)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(971.885.990)	2.849.500.064
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.671.984.731	1.049.929.767
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.643.870.721)	1.799.570.297

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Giám đốc



Nguyễn Việt Phương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(971.885.990)	2.849.500.064
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		81.499.440	94.753.702
- Các khoản dự phòng	03		4.701.576.397	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(66.861.084)	(100.789.898)
- Chi phí lãi vay	06		2.402.072.553	1.662.368.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.146.401.316	4.505.832.021
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.791.985.037)	8.093.280.255
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		140.715.463.306	(69.613.997.016)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56.045.351.970)	166.826.539.581
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.000)	(150.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.445.463.166)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.065.940.103)	(899.548.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.513.115.346	108.762.106.205
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		66.861.084	100.789.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.933.138.916)	100.789.898
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		15.724.369.217	19.542.052.630
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.833.996.755)	(196.799.372.339)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.109.627.538)	(183.257.319.709)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.529.651.108)	(74.394.423.606)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	25.810.217.496	155.322.066.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	23.280.566.388	80.927.642.571

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng

Lê Thanh Hải

Giám đốc

Nguyễn Việt Phương



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 31 tháng 5 năm 2019

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>30/6/2021</u> <u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u> <u>sở hữu</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	5.100.000	51.000.000.000	51%
Cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Công ty hiện đang Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 30/6/2021 là 90 người (tại ngày 31/12/2020 là 90 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 là: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

<b>Tên công ty, đơn vị</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu thực tế</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101	Xây dựng công trình	51%	51%
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 1.02	Xây dựng công trình	51%	51%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	20%	20%

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty tăng. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng.**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác, là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
  - Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp, kinh doanh bất động sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	9.299.957.365	2.083.356.745
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.980.609.023	23.726.860.751
<b>Tổng</b>	<b>23.280.566.388</b>	<b>25.810.217.496</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-

**5.3 Phải thu khách hàng**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>213.201.400.436</b>	<b>190.069.009.728</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	53.456.371.607	54.913.631.607
Công ty TNHH Hoàng Gia	9.888.811.065	9.888.811.065
Công ty CP XD Nam Khánh Việt Nam	1.113.788.443	2.813.788.443
Công ty CP tập đoàn AE	2.978.203.000	4.928.203.000
Công ty cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội	60.431.577.769	-
Công ty CP CDC Hà Nội	32.768.144.000	32.768.144.000
Các đối tượng khác (*)	52.564.504.552	84.756.431.613
<b>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<b>57.864.967.312</b>	<b>57.954.706.030</b>
<b>Tổng</b>	<b>213.201.400.436</b>	<b>190.069.009.728</b>

(\*) Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1**Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>65.113.345.190</b>	<b>56.136.273.402</b>
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (*)	35.288.235.734	35.282.199.294
Công ty TNHH Thương Mại Đức Giang	325.177.790	2.060.063.270
Công ty TNHH kỹ thuật công nghệ Thăng Long Việt	573.768.000	573.768.000
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	13.044.769.846	7.387.497.028
Các đối tượng khác (**)	15.881.393.820	10.832.745.810
<b>Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	<b>48.333.005.580</b>	<b>42.669.696.322</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>		
<b>Tổng</b>	<b>65.113.345.190</b>	<b>56.136.273.402</b>

(\*) Công ty này đã tạm dừng hoạt động.

(\*\*) Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước người bán.

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>160.762.737.765</b>	-	<b>134.956.603.267</b>	-
Tạm ứng (*)	148.501.611.970	-	120.288.093.944	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
<i>Ban quản lý kè đê biển chắn sóng</i>	3.384.709.139	-	3.384.709.139	-
<i>Phải thu về cổ tức được chia</i>	1.691.614.821	-	1.672.800.000	-
<i>Phải thu các khoản bảo hiểm</i>	1.691.552.780	-	1.691.552.780	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	5.493.249.055	-	7.919.447.404	-
<b>Tổng</b>	<b>160.762.737.765</b>	-	<b>134.956.603.267</b>	-

(\*) Tạm ứng cho các chủ nhiệm các Đội thi công công trình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.6 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.740.296.511	-	6.038.720.114	-

*Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này*

**Trong đó:**

	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Đá Quý Thế giới	376.978.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy SHINEC	64.166.800
BQL Dự án xây dựng tháp núi vua	735.355.000
Công ty Cổ phần Sinh học Dược phẩm Ba Đình	62.076.414
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02	9.501.720.297
<b>Tổng</b>	<b>10.740.296.511</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.566.435.412	-	20.797.794.888	-
<b>Tổng</b>	<b>16.566.435.412</b>	<b>-</b>	<b>20.797.794.888</b>	<b>-</b>

**Trong đó chi tiết các công trình dở dang:**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Kho dự trữ bến cát tỉnh Bình Dương	829.743.834	829.743.834	788.572.207	788.572.207
Hạ tầng khu TĐC Ngọc Hiệp - Nha Trang (*)	87.347.900	87.347.900	87.347.900	87.347.900
Khu nhà ở xã hội Hoàng Gia	-	-	793.148	793.148
Khu dân cư Vĩnh Lộc B gói XL2	-	-	596.925.265	596.925.265
Nhà ở học sinh, sinh viên A5, A6	12.927.681.597	12.927.681.597	12.927.681.597	12.927.681.597
Các công trình khác	2.721.662.081	2.721.662.081	6.396.474.771	6.396.474.771
<b>Tổng</b>	<b>16.566.435.412</b>	<b>16.566.435.412</b>	<b>20.797.794.888</b>	<b>20.797.794.888</b>

(\*) Công trình đang làm thủ tục quyết toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	4.117.345.021	2.614.470.132	4.864.544.910	154.753.430	11.751.113.493
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>4.117.345.021</b>	<b>2.614.470.132</b>	<b>4.864.544.910</b>	<b>154.753.430</b>	<b>11.751.113.493</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	2.793.133.933	2.614.470.132	4.864.544.910	154.753.430	10.426.902.405
Tăng trong kỳ	81.499.440	-	-	-	81.499.440
Khấu hao trong kỳ	81.499.440	-	-	-	81.499.440
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>2.874.633.373</b>	<b>2.614.470.132</b>	<b>4.864.544.910</b>	<b>154.753.430</b>	<b>10.508.401.845</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2021	1.324.211.088	-	-	-	1.324.211.088
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>1.242.711.648</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.242.711.648</b>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2021 là 1.242.711.648 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 1.405.710.528).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 8.217.795.295 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 8.217.795.295).

**5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án đầu tư 176	197.040.107.545	197.040.107.545	333.745.022.284	333.745.022.284
Định Công				
Dự án đầu tư Chánh Mỹ (*)	19.428.675.518	19.428.675.518	19.428.675.518	19.428.675.518
Dự án đầu tư nhà liền kề Đông Sơn (**)	1.963.615.181	1.963.615.181	1.742.804.272	1.742.804.272
<b>Tổng</b>	<b>218.432.398.244</b>	<b>218.432.398.244</b>	<b>354.916.502.074</b>	<b>354.916.502.074</b>

(\*) Chi phí thực hiện dự án của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị làm chủ đầu tư đang triển khai, hai bên đã thông nhất khi có đối tác mới nhận Dự án, các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án đầu tư Chánh Mỹ sẽ được Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị tạo điều kiện để bên Công ty thương thảo với đối tác mới để thu hồi chi phí đầu tư đã bỏ ra

(\*\*) Công trình đang trong quá trình quyết toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI**Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/6/2021		01/01/2021				
	Tỷ lệ	Đơn vị tính: VND	Tỷ lệ	Đơn vị tính: VND			
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư Công ty con			18.156.000.000	(4.431.068.158)	18.156.000.000	(4.431.068.158)	(4.431.068.158)
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	51%	51%	5.406.000.000	(i)	5.406.000.000	(i)	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (ii)	51%	51%	12.750.000.000	(i)	12.750.000.000	(i)	(4.431.068.158)
b) Đầu tư Công ty liên kết			1.000.000.000	(418.567.026)	1.000.000.000	(418.567.026)	(418.567.026)
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	20%	20%	1.000.000.000	(i)	1.000.000.000	(i)	(418.567.026)
c) Đầu tư dài hạn khác			13.000.000.000	-	13.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc			13.000.000.000	(i)	13.000.000.000	(i)	-
<b>Tổng</b>			<b>32.156.000.000</b>	<b>(4.849.635.184)</b>	<b>32.156.000.000</b>	<b>(4.849.635.184)</b>	<b>(4.849.635.184)</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 hiện tại đã dừng hoạt động. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty con này.

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101	Số 7, Biệt thự 6, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	10.600.000.000	51,0%	Xây dựng công trình
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02	Số 1 Lô J Khu dự án 10HA P. Bình Trưng Đông, Q.2 TP. HCM	25.000.000.000	51,0%	Xây dựng công trình



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1**

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,

Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Công ty liên kết	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	CT4, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	5.000.000.000	20,0%	Thiết kế, kinh doanh nội thất

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTĐT ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2021, Công ty đã góp được 13 tỷ đồng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1**Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.875.859.391</b>	<b>78.875.859.391</b>	<b>142.132.800.417</b>	<b>142.132.800.417</b>
Công ty CP cơ điện PTH Thăng Long	4.449.485.170	4.449.485.170	7.449.485.170	7.449.485.170
Công ty CP TVĐT và TKKT Logik	10.442.605.900	10.442.605.900	22.442.605.900	22.442.605.900
Công ty TNHH MTV Tây Bắc- Chi nhánh Sơn Tây	11.564.970.611	11.564.970.611	31.168.688.684	31.168.688.684
Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Xây dựng Mạnh Thắng	7.745.364.524	7.745.364.524	20.745.364.524	20.745.364.524
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	6.381.557.924	6.381.557.924	6.381.557.924	6.381.557.924
Công ty CP Đầu tư xây dựng 688	2.283.679.442	2.283.679.442	10.283.679.442	10.283.679.442
Phải trả các đối tượng khác (*)	36.008.195.820	36.008.195.820	43.661.418.773	43.661.418.773
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>8.017.266.658</b>	<b>8.017.266.658</b>	<b>8.019.993.840</b>	<b>8.019.993.840</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>				
<b>Tổng</b>	<b>78.875.859.391</b>	<b>78.875.859.391</b>	<b>142.132.800.417</b>	<b>142.132.800.417</b>

(\*) Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>386.872.717.362</b>	<b>398.867.035.348</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	8.121.545.650	10.524.462.650
Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	5.065.592.500	5.065.592.500
BQL các DA đường thủy nội địa phía Bắc	23.501.385.163	-
Khách hàng trả trước tiền mua nhà Dự án 176 Định Công	316.615.300.227	380.921.697.659
Công ty Cổ phần Việt Nhân - Bắc Ninh	13.970.753.627	-
Công ty CP BĐS TM & DV DL Quang Chung	15.943.814.600	-
Các đối tượng khác (*)	3.654.325.595	2.355.282.539
<b>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>8.121.545.650</b>	<b>10.524.462.650</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>		
<b>Tổng</b>	<b>386.872.717.362</b>	<b>398.867.035.348</b>

(\*) Các đối tượng khác bao gồm khoản trả tiền trước của các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua trả tiền trước



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/6/2021
	<b>Phải thu</b>	-	<b>54.912.698</b>	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	54.912.698	-	54.912.698
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>5.844.972.947</b>	<b>10.950.076.930</b>	<b>2.492.293.949</b>	<b>14.357.668.626</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.565.075.923	8.582.638.603	242.327.000	11.905.387.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	820.250.083	1.671.984.731	1.065.940.103	1.426.294.711
Thuế thu nhập cá nhân	433.660.552	382.398.647	870.971.897	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	85.685.733	85.685.733	-
Các loại thuế khác	-	227.369.216	227.369.216	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.025.986.389	-	-	1.025.986.389

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.173.605.203</b>	<b>218.367.930</b>
Trích trước chi phí lãi vay cá nhân	218.367.930	218.367.930
Trích trước chi phí cọc đài trà dự án Chánh Mỹ	955.237.273	-
<b>Tổng</b>	<b>1.173.605.203</b>	<b>218.367.930</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>55.888.669.223</b>	<b>60.909.735.118</b>
Kinh phí công đoàn	77.962.620	65.000.536
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	55.810.706.603	60.844.734.582
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>17.636.169.727</i>	<i>18.792.168.082</i>
<i>Phí bảo trì dự án 176 Định Công</i>	<i>34.732.452.384</i>	<i>32.311.623.135</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>3.373.989.630</i>	<i>6.000.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>68.094.862</i>	<i>3.740.943.365</i>
<b>Tổng</b>	<b>55.888.669.223</b>	<b>60.909.735.118</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI**Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>45.573.115.825</b>	<b>45.573.115.825</b>	<b>15.724.369.217</b>	<b>41.833.996.755</b>	<b>71.682.743.363</b>	<b>71.682.743.363</b>
Ngân hàng TMCP Đ&T&PT Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội (iii)	36.657.115.825	36.657.115.825	15.724.369.217	34.833.996.755	55.766.743.363	55.766.743.363
Vay cá nhân	8.916.000.000	8.916.000.000	-	7.000.000.000	15.916.000.000	15.916.000.000
<b>Tổng</b>	<b>45.573.115.825</b>	<b>45.573.115.825</b>	<b>15.724.369.217</b>	<b>41.833.996.755</b>	<b>71.682.743.363</b>	<b>71.682.743.363</b>

(iii): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đ&T & PT Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/135016/HỆTDHM ngày 05/10/2020. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 160 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C tối đa tại mọi thời điểm là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2021. Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành của lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động thi công xây lắp

**Tài sản thế chấp gồm:**

+ Thế chấp bằng TS của bên vay: Xe Toyota Innova 30X-6803, Xe Toyota Innova 29A-484.36, xe ô tô Toyota Corolla 29A-298.41, xe Toyota Corolla 29A-298.42; xe Ô tô Toyota Camry BKS: 29A-582.57, cần trục tháp Zoomlion TCN5013B-6; chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/135016/2014/HĐTC ngày 24/12/2014.

+ Thế chấp bằng tài sản bên thứ 3: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ phòng số 612, CT3-1, KĐT Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn hộ số 20 dãy A, lô số 1, Khu dự thị mới Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại căn hộ B1503 thuộc Tổ hợp Văn phòng, TM & Chung cư cao cấp Golden Palace, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung: tài sản gắn liền trên đất tại trụ sở làm việc số 168 Giải Phóng, Xe Toyota Camry 2.4G-BKS: 29U-1836, Xe Toyota Camry 2.4G-BKS: 29V-0190.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	14.891.254.492	142.462.015.395
Tăng trong năm	-	-	-	106.144.528	106.144.528
Lãi trong năm	-	-	-	106.144.528	106.144.528
Giảm trong năm	-	-	-	6.972.527.505	6.972.527.505
Chia cổ tức	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	972.527.505	972.527.505
Số dư tại 31/12/2020	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	8.024.871.515	135.595.632.418
Số dư tại 01/01/2021	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	8.024.871.515	135.595.632.418
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.750.015.249	2.750.015.249
Lỗ trong kỳ	-	-	-	2.643.870.721	2.643.870.721
Trích lập các quỹ (vi)	-	-	-	106.144.528	106.144.528
Số dư tại 30/6/2021	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	5.274.856.266	132.845.617.169

(vi) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 452/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2021, số tiền trích quỹ phúc lợi là 106.144.528 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1**Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	51.000.000.000	51.000.000.000
Cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>106.144.528</b>	<b>6.972.527.505</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.270.343.903	4.270.343.903
<b>Tổng</b>	<b>4.270.343.903</b>	<b>4.270.343.903</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu xây lắp và hoạt động khác	66.959.065.278	15.716.519.167
Doanh thu kinh doanh bất động sản	182.915.053.151	136.676.622.677
<b>Tổng</b>	<b>249.874.118.429</b>	<b>152.393.141.844</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn xây lắp và hoạt động khác	65.822.098.429	15.244.568.353
Giá vốn kinh doanh bất động sản	169.726.877.818	126.822.238.182
<b>Tổng</b>	<b>235.548.976.247</b>	<b>142.066.806.535</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	66.861.084	100.789.898
<b>Tổng</b>	<b>66.861.084</b>	<b>100.789.898</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	2.402.072.553	1.662.368.153
<b>Tổng</b>	<b>2.402.072.553</b>	<b>1.662.368.153</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.5 Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.580.811.123</b>	<b>5.135.303.228</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.689.330.034	4.047.075.900
Chi phí vật liệu quản lý	18.386.464	-
Chi phí khấu hao CCDC, TSCĐ	81.499.440	94.753.702
Chi phí dự phòng	4.701.576.397	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.184.491	390.144.444
Chi phí bằng tiền khác	197.834.297	603.329.182
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>156.636.364</b>	<b>-</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.636.364	-

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
<b>Tổng</b>	-	-
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt thuế	224.369.216	779.953.762
<b>Tổng</b>	<b>224.369.216</b>	<b>779.953.762</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(224.369.216)</b>	<b>(779.953.762)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.671.984.731	1.049.929.767
<b>Tổng</b>	<b>1.671.984.731</b>	<b>1.049.929.767</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.8 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	3.164.615.573	15.315.047.001
Chi phí nhân công	9.554.137.848	7.289.696.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.499.440	94.753.702
Chi phí dự phòng	4.701.576.397	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.711.417.270	123.480.779.438
Chi phí khác bằng tiền	800.364.247	1.021.833.327
<b>Tổng</b>	<b>32.013.610.775</b>	<b>147.202.109.763</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Thù lao, lương	1.980.893.891	1.142.490.633

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	-	(1.860.430.607)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

<b>Các khoản phải trả</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	Công ty mẹ	Người mua trả tiền trước	8.121.545.650	10.524.462.650
		Phải trả người bán	6.381.557.924	6.381.557.924
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Phải trả người bán	1.635.708.734	1.638.435.916
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	53.456.371.607	54.913.631.607
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	46.456.870	46.456.870
Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	3.074.250.233	1.706.728.951
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	759.614.890	759.614.890
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	156.896.712	156.896.712
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Phải thu khách hàng	371.377.000	371.377.000
		Trả trước người bán	13.044.769.846	7.387.497.028
		Phải thu khác	432.480.000	432.480.000
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Phải thu khác	1.402.500.000	1.402.500.000
		Trả trước người bán	35.288.235.734	35.282.199.294

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.2 Báo cáo bộ phận****Báo cáo Kết quả bộ phận cho kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Kinh doanh BĐS	Tổng
<b>Doanh thu thuần</b>			
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	66.959.065.278	182.915.053.151	249.874.118.429
Doanh thu giữa các bộ phận			
<b>Tổng Doanh thu thuần</b>	<b>66.959.065.278</b>	<b>182.915.053.151</b>	<b>249.874.118.429</b>
<b>Kết quả hoạt động</b>			
Kết quả bộ phận	(6.615.592.600)	8.203.287.295	1.587.694.695
Doanh thu tài chính			66.861.084
Chi phí tài chính			(2.402.072.553)
Lợi nhuận khác			(224.369.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.671.984.731)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>			<b>(2.643.870.721)</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2020***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Kinh doanh BĐS	Tổng
<b>Tài sản</b>			
Tài sản cố định			1.242.711.648
Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán	184.815.690.120	93.499.055.506	278.314.745.626
Hàng tồn kho, Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang dài hạn	16.566.435.412	218.432.398.244	234.998.833.656
Tài sản không thể phân bổ			202.814.294.156
<b>Tổng tài sản</b>			<b>717.370.585.086</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	85.816.639.956	379.931.936.797	465.748.576.753
Vay và nợ thuê tài chính	45.573.115.825	-	45.573.115.825
Nợ phải trả không thể phân bổ			73.203.275.339
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>584.524.967.917</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)***Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Kinh doanh BĐS	Tổng
<b>Tài sản</b>			
Tài sản cố định			1.242.711.648
Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán	184.815.690.120	93.499.055.506	278.314.745.626
Hàng tồn kho, Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang dài hạn	16.566.435.412	218.432.398.244	234.998.833.656
Tài sản không thể phân bổ			202.814.294.156
<b>Tổng tài sản</b>			<b>717.370.585.086</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	85.816.639.956	379.931.936.797	465.748.576.753
Vay và nợ thuê tài chính	45.573.115.825	-	45.573.115.825
Nợ phải trả không thể phân bổ			73.203.275.339
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>584.524.967.917</b>

*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Kinh doanh BĐS	Tổng
<b>Tài sản</b>			
Tài sản cố định			1.324.211.088
Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán	362.229.699.505	66.194.667.788	428.424.367.293
Hàng tồn kho, Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang dài hạn	20.797.794.888	354.916.502.074	375.714.296.962
Tài sản không thể phân bổ			11.143.905.957
<b>Tổng tài sản</b>			<b>816.606.781.300</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	95.022.572.105	506.886.998.778	601.909.570.883
Vay và nợ thuê tài chính	55.766.743.363	15.916.000.000	71.682.743.363
Nợ phải trả không thể phân bổ			7.418.834.636
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>681.011.148.882</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét với kết luận ngoại trừ bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM.

**Người lập biểu**

**Vũ Thị Hồng Liễu**

**Kế toán trưởng**

**Lê Thanh Hải**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

**Giám đốc**



**Nguyễn Việt Phương**

NAM